BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

DANH SÁCH KẾT QUẢ CHẤM THI VÀ XẾP GIẢI TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA THPT NĂM HỌC 2025 - 2026

(Kèm theo Công văn số 92/QLCL-QLT, ngày 19 tháng 01 năm 2026)

24-TỈNH NINH BÌNH

Số TT	Số báo danh	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	24.01.05	Toán	18.500	Ba	12	THPT chuyên Biên Hòa
2	24.01.14	Toán	18.500	Ba	12	THPT chuyên Biên Hòa
3	24.01.23	Toán	16.500	K.Khích	12	THPT chuyên Biên Hòa
4	24.01.03	Toán	14.000	K.Khích	11	THPT chuyên Biên Hòa
5	24.01.24	Toán	20.500	Ba	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
6	24.01.07	Toán	17.000	K.Khích	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
7	24.01.26	Toán	19.000	Ba	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
8	24.01.28	Toán	17.500	K.Khích	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
9	24.01.21	Toán	23.000	Nhì	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
10	24.01.20	Toán	19.500	Ba	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
11	24.01.08	Toán	19.000	Ba	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
12	24.01.30	Toán	14.500	K.Khích	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
13	24.01.17	Toán	19.000	Ba	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
14	24.01.01	Toán	22.000	Nhì	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
15	24.01.09	Toán	15.000	K.Khích	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
16	24.01.29	Toán	19.000	Ba	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
17	24.01.16	Toán	16.500	K.Khích	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
18	24.01.02	Toán	17.500	K.Khích	12	THPT chuyên Lương Văn Tụy
19	24.01.06	Toán	19.000	Ba	12	THPT chuyên Lương Văn Tụy
20	24.01.12	Toán	16.000	K.Khích	12	THPT chuyên Lương Văn Tụy
21	24.01.19	Toán	16.000	K.Khích	12	THPT chuyên Lương Văn Tụy
22	24.01.25	Toán	15.000	K.Khích	12	THPT chuyên Lương Văn Tụy
23	24.01.27	Toán	24.000	Nhì	12	THPT chuyên Lương Văn Tụy
24	24.02.28	Vật lí	28.000	Nhất	11	THPT chuyên Biên Hòa
25	24.02.11	Vật lí	22.750	Nhì	12	THPT chuyên Biên Hòa
26	24.02.20	Vật lí	18.500	Ba	12	THPT chuyên Biên Hòa
27	24.02.24	Vật lí	20.500	Nhì	12	THPT chuyên Biên Hòa
28	24.02.04	Vật lí	16.000	Ba	12	THPT chuyên Biên Hòa

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

DANH SÁCH KẾT QUẢ CHẤM THI VÀ XẾP GIẢI TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA THPT NĂM HỌC 2025 - 2026

(Kèm theo Công văn số 92/QLCL-QLT, ngày 19 tháng 01 năm 2026)

24-TỈNH NINH BÌNH

Số TT	Số báo danh	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
29	24.02.21	Vật lí	18.750	Nhì	12	THPT chuyên Biên Hòa
30	24.02.30	Vật lí	12.000	K.Khích	11	THPT chuyên Biên Hòa
31	24.02.17	Vật lí	14.750	Ba	12	THPT chuyên Biên Hòa
32	24.02.15	Vật lí	14.750	Ba	11	THPT chuyên Biên Hòa
33	24.02.22	Vật lí	32.500	Nhất	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
34	24.02.10	Vật lí	29.750	Nhất	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
35	24.02.14	Vật lí	26.750	Nhất	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
36	24.02.06	Vật lí	20.500	Nhì	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
37	24.02.03	Vật lí	25.000	Nhì	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
38	24.02.08	Vật lí	23.250	Nhì	11	THPT chuyên Lê Hồng Phong
39	24.02.19	Vật lí	16.500	Ba	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
40	24.02.09	Vật lí	19.250	Nhì	11	THPT chuyên Lê Hồng Phong
41	24.02.13	Vật lí	19.500	Nhì	11	THPT chuyên Lê Hồng Phong
42	24.02.18	Vật lí	21.750	Nhì	11	THPT chuyên Lê Hồng Phong
43	24.02.27	Vật lí	17.000	Ba	11	THPT chuyên Lê Hồng Phong
44	24.02.01	Vật lí	21.000	Nhì	12	THPT chuyên Lương Văn Tụy
45	24.02.02	Vật lí	14.250	K.Khích	12	THPT chuyên Lương Văn Tụy
46	24.02.05	Vật lí	17.500	Ba	12	THPT chuyên Lương Văn Tụy
47	24.02.07	Vật lí	11.250	K.Khích	11	THPT chuyên Lương Văn Tụy
48	24.02.16	Vật lí	15.500	Ba	12	THPT chuyên Lương Văn Tụy
49	24.02.23	Vật lí	14.750	Ba	11	THPT chuyên Lương Văn Tụy
50	24.02.26	Vật lí	20.500	Nhì	12	THPT chuyên Lương Văn Tụy
51	24.02.29	Vật lí	19.250	Nhì	12	THPT chuyên Lương Văn Tụy
52	24.03.05	Hoá học	21.125	Ba	12	THPT chuyên Biên Hòa
53	24.03.12	Hoá học	21.250	Ba	12	THPT chuyên Biên Hòa
54	24.03.26	Hoá học	23.375	Nhì	12	THPT chuyên Biên Hòa
55	24.03.15	Hoá học	24.250	Nhì	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
56	24.03.07	Hoá học	26.750	Nhì	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

DANH SÁCH KẾT QUẢ CHẤM THI VÀ XẾP GIẢI TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA THPT NĂM HỌC 2025 - 2026

(Kèm theo Công văn số 92/QLCL-QLT, ngày 19 tháng 01 năm 2026)

24-TỈNH NINH BÌNH

Số TT	Số báo danh	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
57	24.03.25	Hoá học	22.500	Nhì	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
58	24.03.11	Hoá học	17.500	K.Khích	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
59	24.03.18	Hoá học	25.250	Nhì	11	THPT chuyên Lê Hồng Phong
60	24.03.09	Hoá học	21.125	Ba	11	THPT chuyên Lê Hồng Phong
61	24.03.01	Hoá học	18.125	K.Khích	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
62	24.03.20	Hoá học	19.875	Ba	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
63	24.03.17	Hoá học	23.750	Nhì	11	THPT chuyên Lê Hồng Phong
64	24.03.21	Hoá học	19.875	Ba	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
65	24.03.27	Hoá học	14.500	K.Khích	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
66	24.03.02	Hoá học	14.375	K.Khích	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
67	24.03.06	Hoá học	19.125	Ba	12	THPT Gia Viễn C
68	24.03.13	Hoá học	18.250	K.Khích	12	THPT chuyên Lương Văn Tụy
69	24.03.19	Hoá học	23.875	Nhì	11	THPT chuyên Lương Văn Tụy
70	24.03.24	Hoá học	21.000	Ba	12	THPT chuyên Lương Văn Tụy
71	24.03.28	Hoá học	16.625	K.Khích	12	THPT chuyên Lương Văn Tụy
72	24.04.05	Sinh học	19.500	K.Khích	12	THPT chuyên Biên Hòa
73	24.04.07	Sinh học	19.750	K.Khích	12	THPT chuyên Biên Hòa
74	24.04.12	Sinh học	22.250	Ba	12	THPT chuyên Biên Hòa
75	24.04.10	Sinh học	21.250	Ba	11	THPT chuyên Biên Hòa
76	24.04.20	Sinh học	22.000	Ba	11	THPT chuyên Biên Hòa
77	24.04.14	Sinh học	23.250	Nhì	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
78	24.04.25	Sinh học	24.750	Nhì	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
79	24.04.06	Sinh học	22.750	Nhì	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
80	24.04.27	Sinh học	24.500	Nhì	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
81	24.04.13	Sinh học	22.250	Ba	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
82	24.04.18	Sinh học	19.000	K.Khích	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
83	24.04.08	Sinh học	22.500	Nhì	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
84	24.04.16	Sinh học	22.500	Nhì	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

DANH SÁCH KẾT QUẢ CHẤM THI VÀ XẾP GIẢI TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA THPT NĂM HỌC 2025 - 2026

(Kèm theo Công văn số 92/QLCL-QLT, ngày 19 tháng 01 năm 2026)

24-TỈNH NINH BÌNH

Số TT	Số báo danh	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
85	24.04.11	Sinh học	21.250	Ba	11	THPT chuyên Lê Hồng Phong
86	24.04.04	Sinh học	19.500	K.Khích	11	THPT chuyên Lê Hồng Phong
87	24.04.01	Sinh học	20.000	K.Khích	12	THPT chuyên Lương Văn Tụy
88	24.04.02	Sinh học	23.500	Nhì	12	THPT chuyên Lương Văn Tụy
89	24.04.09	Sinh học	21.250	Ba	12	THPT chuyên Lương Văn Tụy
90	24.04.21	Sinh học	24.750	Nhì	12	THPT chuyên Lương Văn Tụy
91	24.04.22	Sinh học	19.250	K.Khích	12	THPT chuyên Lương Văn Tụy
92	24.04.24	Sinh học	20.750	Ba	11	THPT chuyên Lương Văn Tụy
93	24.04.26	Sinh học	22.000	Ba	12	THPT chuyên Lương Văn Tụy
94	24.04.28	Sinh học	22.000	Ba	12	THPT chuyên Lương Văn Tụy
95	24.04.30	Sinh học	18.750	K.Khích	12	THPT chuyên Lương Văn Tụy
96	24.05.20	Tin học	16.470	K.Khích	12	THPT chuyên Biên Hòa
97	24.05.09	Tin học	25.765	Nhì	12	THPT chuyên Biên Hòa
98	24.05.08	Tin học	24.040	Nhì	12	THPT chuyên Biên Hòa
99	24.05.25	Tin học	17.460	Ba	11	THPT chuyên Biên Hòa
100	24.05.29	Tin học	15.280	K.Khích	11	THPT chuyên Biên Hòa
101	24.05.30	Tin học	15.545	K.Khích	12	THPT chuyên Biên Hòa
102	24.05.17	Tin học	25.360	Nhì	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
103	24.05.14	Tin học	19.217	Ba	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
104	24.05.07	Tin học	15.640	K.Khích	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
105	24.05.10	Tin học	20.223	Ba	11	THPT chuyên Lê Hồng Phong
106	24.05.19	Tin học	21.160	Nhì	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
107	24.05.11	Tin học	17.720	Ba	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
108	24.05.04	Tin học	16.799	Ba	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
109	24.05.18	Tin học	19.290	Ba	10	THPT chuyên Lê Hồng Phong
110	24.05.26	Tin học	12.650	K.Khích	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
111	24.05.03	Tin học	16.145	K.Khích	12	THPT chuyên Lương Văn Tụy
112	24.05.12	Tin học	23.740	Nhì	12	THPT chuyên Lương Văn Tụy

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

DANH SÁCH KẾT QUẢ CHẤM THI VÀ XẾP GIẢI TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA THPT NĂM HỌC 2025 - 2026

(Kèm theo Công văn số 92/QLCL-QLT, ngày 19 tháng 01 năm 2026)

24-TỈNH NINH BÌNH

Số TT	Số báo danh	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
113	24.05.13	Tin học	20.598	Nhì	12	THPT chuyên Lương Văn Tụy
114	24.05.15	Tin học	18.360	Ba	12	THPT chuyên Lương Văn Tụy
115	24.05.21	Tin học	14.940	K.Khích	11	THPT chuyên Lương Văn Tụy
116	24.05.23	Tin học	27.930	Nhất	10	THPT chuyên Lương Văn Tụy
117	24.05.24	Tin học	12.660	K.Khích	12	THPT chuyên Lương Văn Tụy
118	24.05.28	Tin học	23.120	Nhì	12	THPT chuyên Lương Văn Tụy
119	24.06.02	Ngữ văn	13.500	Nhì	12	THPT chuyên Biên Hòa
120	24.06.15	Ngữ văn	13.000	Ba	12	THPT chuyên Biên Hòa
121	24.06.05	Ngữ văn	13.000	Ba	12	THPT chuyên Biên Hòa
122	24.06.04	Ngữ văn	14.000	Nhì	12	THPT chuyên Biên Hòa
123	24.06.03	Ngữ văn	14.000	Nhì	12	THPT chuyên Biên Hòa
124	24.06.09	Ngữ văn	14.000	Nhì	12	THPT chuyên Biên Hòa
125	24.06.20	Ngữ văn	12.750	Ba	12	THPT chuyên Biên Hòa
126	24.06.14	Ngữ văn	13.000	Ba	11	THPT chuyên Biên Hòa
127	24.06.25	Ngữ văn	13.000	Ba	12	THPT chuyên Biên Hòa
128	24.06.16	Ngữ văn	14.500	Nhì	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
129	24.06.10	Ngữ văn	13.000	Ba	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
130	24.06.24	Ngữ văn	13.000	Ba	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
131	24.06.17	Ngữ văn	12.500	K.Khích	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
132	24.06.27	Ngữ văn	13.000	Ba	11	THPT chuyên Lê Hồng Phong
133	24.06.18	Ngữ văn	14.000	Nhì	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
134	24.06.22	Ngữ văn	13.000	Ba	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
135	24.06.07	Ngữ văn	12.500	K.Khích	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
136	24.06.06	Ngữ văn	12.250	K.Khích	12	THPT chuyên Lương Văn Tụy
137	24.06.21	Ngữ văn	12.250	K.Khích	12	THPT chuyên Lương Văn Tụy
138	24.06.30	Ngữ văn	12.500	K.Khích	12	THPT chuyên Lương Văn Tụy
139	24.07.04	Lịch sử	16.000	Ba	12	THPT chuyên Biên Hòa
140	24.07.10	Lịch sử	17.000	Nhì	12	THPT chuyên Biên Hòa

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

DANH SÁCH KẾT QUẢ CHẤM THI VÀ XẾP GIẢI TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA THPT NĂM HỌC 2025 - 2026

(Kèm theo Công văn số 92/QLCL-QLT, ngày 19 tháng 01 năm 2026)

24-TỈNH NINH BÌNH

Số TT	Số báo danh	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
141	24.07.03	Lịch sử	14.750	K.Khích	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
142	24.07.20	Lịch sử	14.750	K.Khích	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
143	24.07.21	Lịch sử	15.000	K.Khích	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
144	24.07.16	Lịch sử	15.250	Ba	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
145	24.07.19	Lịch sử	14.500	K.Khích	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
146	24.07.30	Lịch sử	16.000	Ba	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
147	24.07.07	Lịch sử	14.500	K.Khích	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
148	24.07.29	Lịch sử	15.000	K.Khích	11	THPT chuyên Lê Hồng Phong
149	24.07.27	Lịch sử	15.250	Ba	11	THPT chuyên Lê Hồng Phong
150	24.07.18	Lịch sử	15.000	K.Khích	11	THPT chuyên Lê Hồng Phong
151	24.07.22	Lịch sử	14.750	K.Khích	11	THPT chuyên Lê Hồng Phong
152	24.07.09	Lịch sử	15.750	Ba	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
153	24.07.12	Lịch sử	15.250	Ba	11	THPT chuyên Lê Hồng Phong
154	24.07.01	Lịch sử	15.000	K.Khích	12	THPT chuyên Lương Văn Tụy
155	24.07.06	Lịch sử	16.500	Nhì	12	THPT chuyên Lương Văn Tụy
156	24.07.11	Lịch sử	15.750	Ba	12	THPT chuyên Lương Văn Tụy
157	24.07.13	Lịch sử	17.250	Nhì	11	THPT chuyên Lương Văn Tụy
158	24.07.14	Lịch sử	16.250	Nhì	12	THPT chuyên Lương Văn Tụy
159	24.07.15	Lịch sử	14.500	K.Khích	12	THPT chuyên Lương Văn Tụy
160	24.07.17	Lịch sử	15.250	Ba	12	THPT chuyên Lương Văn Tụy
161	24.07.24	Lịch sử	14.500	K.Khích	11	THPT chuyên Lương Văn Tụy
162	24.07.26	Lịch sử	15.250	Ba	11	THPT chuyên Lương Văn Tụy
163	24.07.28	Lịch sử	15.500	Ba	11	THPT chuyên Lương Văn Tụy
164	24.08.14	Địa lí	15.750	Nhì	12	THPT chuyên Biên Hòa
165	24.08.12	Địa lí	14.500	Ba	12	THPT chuyên Biên Hòa
166	24.08.02	Địa lí	14.250	Ba	12	THPT chuyên Biên Hòa
167	24.08.18	Địa lí	14.750	Ba	12	THPT chuyên Biên Hòa
168	24.08.16	Địa lí	15.000	Ba	12	THPT chuyên Biên Hòa

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

DANH SÁCH KẾT QUẢ CHẤM THI VÀ XẾP GIẢI TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA THPT NĂM HỌC 2025 - 2026

(Kèm theo Công văn số 92/QLCL-QLT, ngày 19 tháng 01 năm 2026)

24-TỈNH NINH BÌNH

Số TT	Số báo danh	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
169	24.08.05	Địa lí	15.000	Ba	12	THPT chuyên Biên Hòa
170	24.08.21	Địa lí	16.500	Nhất	12	THPT chuyên Biên Hòa
171	24.08.23	Địa lí	13.000	K.Khích	11	THPT chuyên Biên Hòa
172	24.08.22	Địa lí	16.000	Nhì	12	THPT chuyên Biên Hòa
173	24.08.29	Địa lí	14.500	Ba	12	THPT chuyên Biên Hòa
174	24.08.19	Địa lí	14.250	Ba	11	THPT chuyên Biên Hòa
175	24.08.11	Địa lí	14.750	Ba	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
176	24.08.06	Địa lí	15.250	Nhì	11	THPT chuyên Lê Hồng Phong
177	24.08.15	Địa lí	15.000	Ba	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
178	24.08.07	Địa lí	13.750	K.Khích	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
179	24.08.03	Địa lí	14.750	Ba	11	THPT chuyên Lê Hồng Phong
180	24.08.09	Địa lí	15.000	Ba	11	THPT chuyên Lê Hồng Phong
181	24.08.28	Địa lí	14.750	Ba	11	THPT chuyên Lê Hồng Phong
182	24.08.20	Địa lí	14.000	K.Khích	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
183	24.08.08	Địa lí	15.250	Nhì	11	THPT chuyên Lê Hồng Phong
184	24.08.04	Địa lí	14.500	Ba	11	THPT chuyên Lê Hồng Phong
185	24.08.01	Địa lí	15.000	Ba	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
186	24.08.17	Địa lí	14.250	Ba	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
187	24.08.10	Địa lí	15.750	Nhì	12	THPT chuyên Lương Văn Tụy
188	24.08.13	Địa lí	16.250	Nhất	12	THPT chuyên Lương Văn Tụy
189	24.08.24	Địa lí	15.000	Ba	12	THPT chuyên Lương Văn Tụy
190	24.08.26	Địa lí	13.750	K.Khích	12	THPT chuyên Lương Văn Tụy
191	24.08.27	Địa lí	13.000	K.Khích	12	THPT chuyên Lương Văn Tụy
192	24.08.30	Địa lí	14.500	Ba	12	THPT chuyên Lương Văn Tụy

Danh sách này gồm 192 thí sinh

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

DANH SÁCH KẾT QUẢ CHẤM THI VÀ XẾP GIẢI TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA THPT NĂM HỌC 2025 - 2026

(Kèm theo Công văn số 92/QLCL-QLT, ngày 19 tháng 01 năm 2026)

24-TỈNH NINH BÌNH

Số TT	Số báo danh	Môn thi	Điểm viết	Điểm nghe	Điểm đọc	Điểm nói	Tổng Điểm	Giải	Trường (THPT)
1	24.09.04	Tiếng Anh	3.40	2.90	5.40	1.30	13.000	K.Khích	THPT chuyên Biên Hòa
2	24.09.17	Tiếng Anh	3.50	3.40	4.70	1.30	12.900	K.Khích	THPT chuyên Biên Hòa
3	24.09.19	Tiếng Anh	2.70	3.70	5.60	1.50	13.500	K.Khích	THPT chuyên Biên Hòa
4	24.09.22	Tiếng Anh	3.80	3.40	5.30	1.70	14.200	Ba	THPT chuyên Biên Hòa
5	24.09.29	Tiếng Anh	3.20	2.60	5.40	1.50	12.700	K.Khích	THPT chuyên Biên Hòa
6	24.09.20	Tiếng Anh	4.20	4.40	6.40	1.80	16.800	Nhất	THPT chuyên Lê Hồng Phong
7	24.09.16	Tiếng Anh	3.80	4.60	5.20	1.50	15.100	Nhì	THPT chuyên Lê Hồng Phong
8	24.09.08	Tiếng Anh	4.10	4.40	6.20	1.40	16.100	Nhất	THPT chuyên Lê Hồng Phong
9	24.09.11	Tiếng Anh	3.50	4.70	4.40	1.50	14.100	Ba	THPT chuyên Lê Hồng Phong
10	24.09.12	Tiếng Anh	3.50	3.80	5.60	1.50	14.400	Ba	THPT chuyên Lê Hồng Phong
11	24.09.13	Tiếng Anh	3.60	4.50	5.30	1.40	14.800	Nhì	THPT chuyên Lê Hồng Phong
12	24.09.26	Tiếng Anh	3.80	4	5.80	1.50	15.100	Nhì	THPT chuyên Lê Hồng Phong
13	24.09.01	Tiếng Anh	4	4.10	5.70	1.60	15.400	Nhì	THPT chuyên Lê Hồng Phong
14	24.09.28	Tiếng Anh	4	4.10	6.10	1.30	15.500	Nhì	THPT chuyên Lê Hồng Phong
15	24.09.21	Tiếng Anh	3.20	4.20	4.90	1.30	13.600	K.Khích	THPT chuyên Lê Hồng Phong
16	24.09.10	Tiếng Anh	4	4.10	5.10	1.50	14.700	Nhì	THPT chuyên Lê Hồng Phong
17	24.09.14	Tiếng Anh	3.30	4.70	6	1.40	15.400	Nhì	THPT chuyên Lê Hồng Phong
18	24.09.15	Tiếng Anh	4.10	4	4	1.30	13.400	K.Khích	THPT chuyên Lê Hồng Phong
19	24.09.23	Tiếng Anh	4.10	3.80	5.20	1.50	14.600	Nhì	THPT chuyên Lê Hồng Phong
20	24.09.02	Tiếng Anh	3.50	4.20	5.40	1.50	14.600	Nhì	THPT chuyên Lê Hồng Phong
21	24.09.30	Tiếng Anh	3	4.10	5.80	1.20	14.100	Ba	THPT chuyên Lê Hồng Phong
22	24.09.09	Tiếng Anh	3.50	2.90	5.50	1.50	13.400	K.Khích	THPT chuyên Lương Văn Tụy
23	24.09.06	Tiếng Anh	3.40	4.20	4.60	1.50	13.700	Ba	THPT chuyên Lương Văn Tụy
24	24.09.07	Tiếng Anh	3.80	3.60	5.30	1.50	14.200	Ba	THPT chuyên Lương Văn Tụy
25	24.09.05	Tiếng Anh	3.40	3.50	4.90	1.30	13.100	K.Khích	THPT chuyên Lương Văn Tụy
26	24.09.18	Tiếng Anh	3.40	3.70	4.50	1.50	13.100	K.Khích	THPT chuyên Lương Văn Tụy
27	24.09.24	Tiếng Anh	3.50	2.80	4.80	1.50	12.600	K.Khích	THPT chuyên Lương Văn Tụy

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

DANH SÁCH KẾT QUẢ CHẤM THI VÀ XẾP GIẢI TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA THPT NĂM HỌC 2025 - 2026

(Kèm theo Công văn số 92/QLCL-QLT, ngày 19 tháng 01 năm 2026)

24-TỈNH NINH BÌNH

Số TT	Số báo danh	Môn thi	Điểm viết	Điểm nghe	Điểm đọc	Điểm nói	Tổng Điểm	Giải	Trường (THPT)
28	24.10.04	Tiếng Nga	4.50	1.50	7.75	1.430	15.180	Nhì	THPT chuyên Biên Hòa
29	24.10.03	Tiếng Nga	3.55	1.40	7.15	1.445	13.545	Ba	THPT chuyên Biên Hòa
30	24.10.01	Tiếng Nga	3.04	1.40	7	1.230	12.670	K.Khích	THPT chuyên Biên Hòa
31	24.10.02	Tiếng Nga	3.45	1.30	6.50	1.435	12.685	K.Khích	THPT chuyên Biên Hòa
32	24.10.06	Tiếng Nga	3.63	1.70	6.10	1.310	12.740	K.Khích	THPT chuyên Lê Hồng Phong
33	24.10.10	Tiếng Nga	4.51	1.20	7.20	1.060	13.970	Ba	THPT chuyên Lê Hồng Phong
34	24.10.13	Tiếng Nga	2.84	1.20	6.10	1.515	11.655	K.Khích	THPT chuyên Lê Hồng Phong
35	24.10.17	Tiếng Nga	3.55	1.20	6.60	1.195	12.545	K.Khích	THPT chuyên Lê Hồng Phong
36	24.10.12	Tiếng Nga	3.10	1.30	7.25	0.985	12.635	K.Khích	THPT chuyên Lê Hồng Phong
37	24.11.01	Tiếng Pháp	6.95	3	3.40	1.65	15.000	Nhất	THPT chuyên Lê Hồng Phong
38	24.11.06	Tiếng Pháp	6.55	2.75	2.10	1.7	13.100	Ba	THPT chuyên Lê Hồng Phong
39	24.11.16	Tiếng Pháp	6.30	2.50	1.80	1.125	11.725	K.Khích	THPT chuyên Lê Hồng Phong
40	24.11.09	Tiếng Pháp	5.65	2.25	3.40	1.25	12.550	Ba	THPT chuyên Lê Hồng Phong
41	24.11.07	Tiếng Pháp	7.30	2.50	3.40	1.575	14.775	Nhì	THPT chuyên Lê Hồng Phong
42	24.11.15	Tiếng Pháp	5.10	1.75	2.30	1.6	10.750	K.Khích	THPT chuyên Lê Hồng Phong
43	24.11.11	Tiếng Pháp	6.40	2	3.30	1.4	13.100	Ba	THPT chuyên Lương Văn Tụy
44	24.11.12	Tiếng Pháp	5.10	1.75	2.50	1.525	10.875	K.Khích	THPT chuyên Lương Văn Tụy
45	24.11.14	Tiếng Pháp	5.40	2.50	2.80	1.275	11.975	K.Khích	THPT chuyên Lương Văn Tụy
46	24.11.17	Tiếng Pháp	5.05	2.25	2	1.65	10.950	K.Khích	THPT chuyên Lương Văn Tụy

Danh sách này gồm 46 thí sinh